

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HSST

Ngày: 16/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Khánh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Nghĩa

2. Bà Bùi Thanh Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Chí K, sinh ngày 11/4/2004 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực Rạch C, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thanh T; A, chị, em ruột: có 01 người (sinh năm 1997); Vợ, con: chưa có; Tiền án: chưa; Tiền sự: ngày 23/01/2024 bị Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (chưa chấp hành). Bị bắt truy nã ngày 21/8/2024, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Ô, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thanh P1, sinh ngày 28/5/2004 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Trần Thanh T1 và bà Nguyễn Thị L; Em ruột: 01 người (sinh năm 2011); Vợ, con: chưa có; Tiền án: chưa; Tiền sự: ngày 09/01/2024 bị Tòa án nhân quận Ô, thành phố Cần Thơ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chấp hành xong ngày 02/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn C, sinh ngày 14/11/2004 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn N và bà Lê Ngọc P2; Vợ, con: chưa có; Tiền án: chưa; Tiền sự: ngày 15/01/2024 bị Tòa án nhân quận Ô, thành phố Cần Thơ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 12/11/2005 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực Rạch C, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị D; Anh ruột: 01 người (sinh năm 2004); Vợ, con: chưa có; Tiền án: chưa; Tiền sự:

+ Ngày 04/4/2023 bị Công an phường T xử phạt vi phạm hành chính 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 23/01/2024 bị Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chấp hành xong ngày 03/4/2025, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn N1, sinh ngày 10/9/1994 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N2 (còn sống) và bà Diệp Thị N3 (còn sống); A, chị, em ruột: có 03 người; Vợ, con: chưa có; Tiền án: ngày 20/9/2022, bị Toà án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xử phạt 30.000.000đồng về tội Đánh bạc, án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng. Đã chấp hành đóng án phí 200.000đồng và nộp phạt 200.000đồng; chưa chấp hành 29.800.000đồng, chưa được xóa án tích; Tiền sự: chưa; Bị bắt tạm giam ngày 09/7/2024, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Ô, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông **Nguyễn Hữu L1**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu vực Rạch C, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Hà Hữu C2**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu vực Rạch C, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo tin báo của ông Nguyễn Hữu L1 bị mất trộm 01 (một) vỏ Composite màu xanh trắng và 01 (một) máy xăng hiệu Honda vào ngày 02/11/2023. Đến ngày 05/12/2023, lực lượng công an phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ trong lúc tuần tra về an ninh trật tự đã phát hiện nhóm các đối tượng gồm Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C đang điều khiển vỏ máy, nghi vấn có dấu hiệu trộm cắp tài sản nên đã tiến hành kiểm tra và đưa các đối tượng về công an phường làm việc.

Qua làm việc, xác định nhóm các đối tượng gồm có Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn N1 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 11 giờ 00 ngày 02/11/2023, Nguyễn Văn Chí K và Trần Thanh P1 trộm 01 (một) vỏ composite màu xanh trắng và 01 (một) máy xăng hiệu Honda 6.5HP tại khu vực Rạch C, phường T, quận Ô. Sau khi lấy trộm được tài sản thì K và P1 mang lên nhà của Lê Văn N1 để gửi và cất giấu. Nhớ đem máy bán cho Nguyễn Văn H được 2.500.000đồng, cả nhóm lấy 1.700.000đồng mua ma túy sử dụng, còn 800.000đồng chia cho Nhớ 300.000đồng, P1, K mỗi người 250.000đồng. Vỏ composite giữ lại làm phương tiện đi lại, xác minh chủ sở hữu đối với tài sản trên là của ông Nguyễn Hữu L1, hiện đã thu hồi được tài sản.

Vụ thứ 2: vào khoảng 21 giờ ngày 23/11/2023, Nguyễn Văn Chí K cùng Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ đi bắt ốc, khi đi ngang vườn ông T2 (H) thuộc khu vực Rạch C, phường T, quận Ô. K biết ông T2 có máy xăng dùng để tưới vườn nên kêu C, Đ canh đường, K vào lấy trộm 01 máy xăng hiệu Rato màu đỏ, K, C

chở máy về nhà N1 cất giấu, Đ không đi theo cùng. Máy này N1 mua lại 500.000đồng, K không chia cho C và Đ. Xác minh chủ sở hữu đối với tài sản trên là của ông Hà Hữu C2, đã thu hồi được tài sản.

Vụ thứ 3: khoảng 23 giờ ngày 01/12/2023, do không có máy để chạy vỏ và P1 biết tại vườn của ông Huỳnh Văn M ở khu vực T, phường T, quận T có máy xăng để tưới vườn nên K và P1 điều khiển vỏ đi đến vườn mít của ông M lấy trộm 01 máy xăng hiệu Rato màu vàng, ông M dùng để bơm nước, sau khi lấy được tài sản thì đem về nhà N1 cất giấu, mục đích dùng để làm phương tiện tiếp tục đi trộm. Xác minh chủ sở hữu đối với tài sản trên là của ông Huỳnh Văn M, đã thu hồi được tài sản.

Tại kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 02/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân quận Ô kết luận:

- 01 (*một*) vỏ composite màu xanh trắng, thân vỏ lõi có in chữ “PHÚC THÀNH DT 02973829586”, sau vỏ lõi có in chữ P3 màu đỏ, có chiều dài 6,7 mét, rộng 0,91 mét, hoành 1,45 mét, sâu 0,43 mét, tải trọng 700kg - 800kg, đã qua sử dụng, thu hồi được có giá 5.733.000đồng.

- 01 (*một*) máy xăng, bình xăng màu đỏ, thân máy màu đen, hiệu Honda GX200, máy có láp và chân vịt, đã qua sử dụng, thu hồi được, có giá 2.900.000đồng.

- 01 (*một*) máy xăng, bình xăng màu vàng, thân máy màu đen, hiệu Rato, mặt trước máy có in số 163cc, 5.5 có gắn láp và chân vịt, co bơm, đã qua sử dụng, thu hồi được, có giá 2.600.000đồng.

- 01 (*một*) máy xăng, thân màu đỏ, hiệu Rato công suất 6,5, máy không có láp và chân vịt, đã qua sử dụng, thu hồi được, có giá 2.167.000đồng.

Ngoài ra, theo trình bày của Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C thì còn thực hiện vụ trộm cắp tài sản là 01 (*một*) chiếc xuống cây tại khu vực vườn nhãn giáp ranh giữa phường T, quận Ô và phường T, quận T. Tuy nhiên, qua xác minh không thu hồi được tài sản, cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp để truy tìm tài sản và chủ sở hữu nhưng không có kết quả nên chưa đủ cơ sở kết luận đối với vụ việc này.

Đối với Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ: trong khoảng thời gian tháng 11 và tháng 12/2023 đã thực hiện các vụ trộm 01 (*một*) vỏ composite và 01 (*một*) máy xăng hiệu Honda GX200, máy có láp và chân vịt của ông Nguyễn Hữu L1 có giá 8.633.000đồng do Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1 thực hiện; vụ trộm 01 (*một*) máy xăng hiệu Rato, mặt trước máy

có in số 163cc, 5.5 có gắn láp và chân vịt, co bơm, của ông Huỳnh Văn M có giá 2.600.000đồng do Nguyễn Văn Chí K, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ thực hiện; vụ trộm 01 (một) máy xăng, hiệu Rato công suất 6,5, máy không có láp và chân vịt của ông Hà Hữu C2 có giá 2.167.000đồng do Nguyễn Văn Chí K và Trần Thanh P1 thực hiện.

Đối với Lê Văn N1: khi Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1 trộm cắp được 01 (một) vỏ composite và 01 (một) máy xăng hiệu Honda GX200 của ông Nguyễn Hữu L1, đến nhà N1 thì K có nói cho N1 biết là do trộm cắp tài sản của người khác mà có. Mặc dù không hứa hẹn trước nhưng do cần tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân nên N1 đồng ý đi tiêu thụ cho K và P1 qua việc đã bán 01 máy xăng hiệu Honda GX200 cho Nguyễn Văn H với giá 2.500.000đồng. Sau đó, N1 tiếp tục mua lại tài sản trộm cắp của K là 01 (một) máy xăng hiệu Rato với giá 500.000đồng.

Đối với Nguyễn Văn H lúc mua tài sản là 01 (một) máy xăng, bình xăng màu đỏ, thân máy màu đen, hiệu Honda GX200, máy có láp và chân vịt từ Lê Văn N1 thì không biết được là tài sản do người khác trộm cắp mà có, đồng thời khi biết được tài sản là do trộm cắp mà có thì đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan chức năng. Do đó, không xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn H về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với lời khai của các bị can, số tiền bán tài sản dùng để mua ma túy sử dụng nhưng trong quá trình điều tra không thu giữ được ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy, chỉ có lời khai của các bị can. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý.

Vật chứng:

- 01 (một) vỏ composite màu xanh trắng, thân vỏ lõi có in chữ “PHÚC THÀNH DT 02973829586”, sau vỏ lõi có in chữ P3 màu đỏ, có chiều dài 6,7 mét, rộng 0,91 mét, hoành 1,45 mét, sâu 0,43 mét, tải trọng 700kg - 800kg, đã qua sử dụng (thu hồi được); 01 (một) máy xăng, bình xăng màu đỏ, thân máy màu đen, hiệu Honda GX200, máy có láp và chân vịt, đã qua sử dụng (thu hồi được). Đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Hữu L1.

- 01 (một) máy xăng, bình xăng màu vàng, thân máy màu đen, hiệu Rato, mặt trước máy có in số 163cc, 5.5 có gắn láp và chân vịt, co bơm, đã qua sử dụng (thu hồi được). Đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là ông Huỳnh Văn M.

- 01 (một) máy xăng, thân màu đỏ, hiệu Rato công suất 6,5, máy không có láp và chân vịt, đã qua sử dụng (thu hồi được). Đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu là ông Hà Hữu Chế .

- 01 (một) cây dao bằng kim loại, đã qua sử dụng;
- 01 (một) cây kềm cắt bằng kim loại, đã qua sử dụng;
- 05 (năm) cây kéo đã qua sử dụng;
- 04 (bốn) cây chìa khoá bằng kim loại, đã qua sử dụng;
- 01 (một) lưới cửa bằng kim loại, đã qua sử dụng;
- 01 (một) chân vịt bằng kim loại;
- 01 (một) đèn pin, đã qua sử dụng.

Trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại cáo trạng số 28/CT- VKSOM ngày 21/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn N4 về tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra và kết quả kiểm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa hôm nay thông qua việc xét hỏi các bị cáo đủ cơ sở xác định Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vỏ composite và các máy xăng trên địa bàn quận Ô và quận T trong khoảng thời gian tháng 11 và tháng 12/2023 gồm các vụ trộm 01 (một) vỏ composite và 01 (một) máy xăng hiệu Honda GX200, máy có lắp và chân vịt của ông Nguyễn Hữu L1 có giá 8.633.000đồng do Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1 thực hiện, vụ trộm 01 (một) máy xăng hiệu Rato, mặt trước máy có in số 163cc, 5.5 có gắn lắp và chân vịt, co bơm, của ông Huỳnh Văn M có giá 2.600.000đồng do Nguyễn Văn Chí K, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ thực hiện; vụ trộm 01 (một) máy xăng, hiệu Rato công suất 6,5, máy không có lắp và chân vịt của ông Hà Hữu C2 có giá 2.167.000đồng do Nguyễn Văn Chí K và Trần Thanh P1 thực hiện. Lê Văn N1 mặc dù biết rõ tài sản là do các bị can K, P1, C, Đâu trộm cắp mà có nhưng N1 vẫn đồng ý cất giấu và mang đi tiêu thụ, trong đó N1 đã bán được 01 (một) máy xăng hiệu Honda 6.5HP với giá 2.500.000đồng, tự mua lại 01 máy xăng hiệu Rato màu đỏ, cất giấu lại 01 vỏ composite và 01 máy xăng hiệu Rato màu vàng để các bị can K, P1 tiếp tục có phương tiện đi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ nên cần có hình phạt tương

xứng để răn đe giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đối với Nguyễn Văn Chí K và Trần Thanh P1 phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Lê Văn N1 có 01 lần tiền án chưa được xóa án tích nên lần này là tái phạm và bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn N4 về tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; đề nghị áp dụng:

Đối với Nguyễn Văn Chí K và Trần Thanh P1: Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 173 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Chí K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Trần Thanh P1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đối với Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ: Điều 17, Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với Lê Văn N1: Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Văn N1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) cây dao bằng kim loại; 01 (*một*) cây kềm cắt bằng kim loại, 05 (*năm*) cây kéo; 04 (*bốn*) cây chìa khóa bằng kim loại; 01 (*một*) lưới cửa bằng kim loại; 01 (*một*) chân vịt bằng kim loại; 01 (*một*) đèn pin, đã qua sử dụng.

Trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Các bị cáo bán tài sản trộm cắp lấy tiền chia nhau tiêu xài nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính, cụ thể như sau: K nộp lại 500.000đồng; K, P1, N1 liên đới nộp lại 2.500.000đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ô1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử thấy rằng: căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đủ cơ sở xác định từ tháng 11/2023 đến tháng 12/2023 Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1 đã trộm được 01 (một) vỏ composite màu xanh có giá 5.733.000đồng và 01 (một) máy xăng hiệu Honda 6,5 HP (bình xăng màu đỏ) có giá 2.900.000đồng của ông Nguyễn Hữu L1, 01 (một) máy xăng, hiệu Rato, thân màu đỏ của ông Hà Hữu C2 có giá 2.167.000đồng; Nguyễn Văn Chí K, Nguyễn Văn Đ, Lê Văn C trộm được 01 (một) máy xăng hiệu Rato màu đỏ của ông Huỳnh Văn M có giá 2.600.000đồng. Theo kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 02/4/2024 thì tổng giá trị tài sản là 13.400.000đồng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các người bị hại. Với thủ đoạn và hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với Lê Văn N1 mặc dù biết rõ tài sản là do Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C, Nguyễn Văn Đ trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cất giấu và mang đi tiêu thụ, N1 đã bán được 01 (một) máy xăng hiệu Honda 6,5 HP với giá 2.500.000đồng, mua lại 01 (một) máy xăng hiệu Rato, thân màu đỏ giá 500.000đồng, cất giấu 01 (một) vỏ composite và 01 (một) máy xăng hiệu Rato màu vàng dùng làm phương tiện trộm cắp, hành vi của Lê Văn N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự, vì thế

cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Đối với Lê Văn C bỏ trốn, đã có quyết định truy nã nhưng chưa có kết quả nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Lê Văn C theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Ý thức phạm tội của các bị cáo là cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo K là người rủ rê và được P1, C, Đ đồng ý cùng nhau đi tìm tài sản để trộm cắp nên có cơ sở xác định đồng phạm trong vụ án, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Chính các bị cáo hiểu rõ nhất về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, đặc biệt là xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuổi đời các bị cáo còn trẻ, có sức khỏe, không chăm lo lao động bằng công sức của mình mà chỉ muốn hưởng thụ, do đó cần có hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về vai trò và mức độ tham gia của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng K là người rủ rê và thực hiện 03 vụ trộm, P1 thực hiện 02 vụ, C, Đ 01 vụ. Do đó, mức hình phạt của các bị cáo sẽ tương ứng với vai trò và mức độ thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C, Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì thế Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Nguyễn Văn Chí K thực hiện 03 vụ trộm, P1 02 vụ, N1 thực hiện hành vi phạm tội 02 lần và có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm.

[7] Về xử lý vật chứng: ghi nhận việc trả lại tài sản của cơ quan điều tra cho các người bị hại là phù hợp. Đối với các vật chứng khác bị thu giữ là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[9] Vấn đề khác: trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã bán tài sản trộm cắp lấy tiền chia nhau tiêu xài nên cần phải buộc các bị cáo K, P1, N1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung công.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 và Điều 323 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: **Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn C và Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Lê Văn N1 phạm tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Văn Chí K** 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/8/2024.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trần Thanh P1** 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Lê Văn C** 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Lê Văn N1** 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2024.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: công nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan điều tra cho các

người bị hại là ông Huỳnh Văn M, ông Hà Hữu C2 và ông Nguyễn Hữu L1 theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 06/8/2024.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây dao bằng kim loại; 01 (một) cây kềm cắt bằng kim loại, 05 (năm) cây kéo; 04 (bốn) cây chìa khoá bằng kim loại; 01 (một) lưỡi cưa bằng kim loại; 01 (một) chân vịt bằng kim loại; 01 (một) đèn pin, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Buộc Nguyễn Văn Chí K nộp lại số tiền thu lợi bất chính 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng); Nguyễn Văn Chí K, Trần Thanh P1, Lê Văn N1 liên đới nộp lại 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) sung công.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo vắng mặt và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ô Môn;
- Chi cục THA dân sự quận Ô Môn;
- NTG- CA quận Ô Môn;
- Công an quận Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Sở tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Khánh Xuân

